

## NỖI OÁN CỦA NGƯỜI PHÒNG KHUÊ<sup>(1)</sup>

(*Khuê oán*)

VƯƠNG XƯƠNG LINH

TIỂU DẪN

Vương Xương Linh (698 ? - 757), tự là Thiệu Bá, người Kinh Triệu - Trường An (nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây), là nhà thơ nổi tiếng thời Thịnh Đường. Năm 727, ông đỗ Tiến sĩ rồi lần lượt làm một số chức quan nhỏ, nhiều lần bị cách chức. Sự biến An Lộc Sơn bùng nổ, ông trở về quê, ít lâu sau, bị Thứ sử Hào Châu là Lư Khâu Hiếu giết chết. Ông để lại cho đời trên 180 bài thơ và một số tập văn, trong đó có một số bài bàn về quy cách làm thơ.

Vương Xương Linh viết rất hay về đề tài chiến tranh và phụ nữ, đặc biệt là cung nữ. Ông được xem là một trong những nhà thơ bậc thầy về thể thơ thất ngôn tuyệt cú mà *Nỗi oán của người phòng khuê* là bài tiêu biểu.

\*  
\* \*

*Phiên âm :*

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,  
Xuân nhật ngưng trang thương thúy lâu.  
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,  
Hối giao phu tế mịch phong hầu.

*Dịch nghĩa :*

Người đàn bà trẻ nơi phòng khuê không biết buồn<sup>(2)</sup>,  
Ngày xuân trang điểm lộng lẫy, bước lên lầu đẹp.  
Chợt thấy sắc (xuân) của cây dương liễu<sup>(3)</sup> đầu đường,  
Hối hận đã để chồng đi (tòng quân lập công, làm quan)  
kiếm tước hầu !

---

(1) *Phòng khuê* : buồng khuê, buồng riêng của phụ nữ thời xưa.

(2) Nguyên văn : *bất tri sầu* ; có dị bản : *bất tằng sầu* (chưa từng biết buồn).

(3) *Dương liễu* : một loài cây tượng trưng cho mùa xuân và sự li biệt, vì ở miền Bắc Trung Quốc, khi xuân tới, liễu là một trong những loài cây nảy lộc đầu tiên và ngày xưa khi chia tay có phong tục bẻ cành liễu tặng nhau.

Dịch thơ :

Bản dịch thứ nhất :

*Trẻ trung nàng biết chi sâu,  
Ngày xuân trang điểm lên lầu ngắm gương.  
Nhác trông về liễu bên đường,  
"Phong hầu", nghĩ đại, xui chàng kiếm chi.*

TÂN ĐÀ dịch  
(*Thơ Đường*, tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Bản dịch thứ hai :

*Thiếu phụ phòng khuê chẳng biết sâu,  
Ngày xuân chài chuốt, bước lên lầu.  
Đầu đường chợt thấy màu dương liễu,  
Hối để chàng đi kiếm tước hầu.*

NGUYỄN KHẮC PHI dịch  
(Có tham khảo bản dịch của TRẦN TRỌNG SAN,  
*Thơ Đường*, quyển I, Bắc Đẩu, Sài Gòn, 1966)

### HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nhan đề bài thơ là *Nỗi oán của người phòng khuê* nhưng vì sao mở đầu bài thơ, tác giả lại nói "Người đàn bà trẻ nơi phòng khuê không biết buồn" ? Lời vào đề đó có tác dụng như thế nào đối với việc thể hiện tình cảm của người chinh phụ và tư tưởng chủ đề của tác phẩm ?
2. Hãy nêu vị trí của câu thứ ba trong việc liên kết ý của bài thơ và làm sáng tỏ ý nghĩa của câu thơ cuối. Đọc kĩ chú thích 3 của bài và tìm hiểu nguyên nhân tạo nên diễn biến tâm trạng đột ngột của người chinh phụ.
3. Nhà thơ Đỗ Phủ đã từng viết những câu thơ chất vấn gay gắt vua Đường để lên án chiến tranh phi nghĩa, như :

*Quân dĩ phú thổ cảnh,  
Khai biên nhất hà đa ?  
(Vua đã giàu đất đai  
Sao còn mở mang biên cương nhiều thế ?)*

Cách thể hiện tinh thần phản đối chiến tranh phi nghĩa trong bài *Nỗi oán của người phòng khuê* khác với cách thể hiện ở những câu thơ như trên ở chỗ nào ? Có thể rút ra điều gì từ sự so sánh ấy ?

# LẦU HOÀNG HẠC

(Hoàng Hạc lâu)

THÔI HIỆU

## TIỂU DẪN

Thôi Hiệu (704 - 754), quê ở Biện Châu, tỉnh Hà Nam (Trung Quốc), đỗ Tiến sĩ năm 725. Thơ ông còn truyền lại hơn bốn mươi bài, trong đó nổi tiếng nhất là *Lầu Hoàng Hạc*. Tương truyền Lí Bạch đi chơi Vũ Xương, lên xem lầu Hoàng Hạc, thấy bài thơ này của Thôi Hiệu bèn cầm bút để vào vách : "Nhân tiến hữu cảnh đạo bất đắc - Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu" (Trước mắt có cảnh đẹp mà nói không được vì đã có thơ của Thôi Hiệu đề ở trên rồi).

\*  
\*   \*   \*



Lầu Hoàng Hạc ở thành phố Vũ Hán,  
tỉnh Hồ Bắc

*Phiên âm :*

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,  
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu.  
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,  
Bạch vân thiên tải không du du.  
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,  
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.  
Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?  
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

*Dịch nghĩa :*

Người xưa đã cưới hạc vàng bay đi,  
Nơi đây chỉ còn trơ lại lầu Hoàng Hạc.  
Hạc vàng một khi đã bay đi, không bao giờ trở lại,  
Mây trắng ngàn năm còn bay chơi vơi.  
Hàng cây đất Hán Dương<sup>(1)</sup> phản chiếu rõ mồn mồn một  
trên dòng sông tạnh,  
Trên bãi Anh Vũ<sup>(2)</sup> cỏ thơm mơn mớn xanh tươi.  
Chiều tối tự hỏi đâu là quê hương ?  
Khói và sóng trên sông khiến cho người nổi mối u sầu.

*Dịch thơ :*

Bản dịch thứ nhất :

*Hạc vàng ai cưới đi đâu,  
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.  
Hạc vàng đi mất từ xưa,  
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.  
Hán Dương sông tạnh cây bày,  
Bãi xa Anh Vũ xanh dầy cỏ non.  
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,  
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai ?*

TẢN ĐÀ dịch  
(*Thơ Đường*, tập I, Sđd)

Bản dịch thứ hai :

*Ai cưới hạc vàng đi mất hút,  
Trơ lầu Hoàng Hạc chốn này thôi !  
Hạc vàng một đã đi, đi biệt,  
Mây trắng ngàn năm bay chơi vơi.  
Sông tạnh Hán Dương cây sáng ửng,  
Cỏ thơm Anh Vũ bãi xanh ngời.*

---

(1) *Hán Dương* : một địa điểm bên sông Trường Giang, đối diện với lầu Hoàng Hạc.

(2) *Anh Vũ* : một bãi giữa sông Trường Giang ; tương truyền tác giả bài *Anh vũ phú* (Bài phú về con vịt) là Nễ Hành được chôn ở đây nên nhân đó lấy tên bài phú đặt tên cho bãi.

*Hoàng hôn về đó, quê đâu tá ?  
Khói sóng trên sông nào dạ người.*

KHUƠNG HỮU DỤNG dịch  
(*Thơ Đường, tập I, Sđd*)

### HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. *Lầu Hoàng Hạc* được xem là một trong vài bài thơ Đường luật hay nhất ở thời Đường. Tuy vậy, ở bốn câu thơ đầu có nhiều chỗ không thật đúng luật : sự vận dụng linh động quy tắc "nhị tứ lục phân minh"<sup>(1)</sup>, luật đối ngẫu, cách gieo vần, việc sử dụng điệp ngữ "hoàng hạc",... Những sự linh động đó đều có tác dụng làm nổi bật tình ý muốn diễn đạt. Ví dụ, việc sử dụng đối ngẫu trong hai câu đầu – đúng ra không cần – là nhằm làm nổi bật sự đối lập giữa cái đã ra đi mãi mãi với cái còn lại, cái vô cùng với cái hữu hạn, cái hư và cái thực, qua đó thể hiện một cách sinh động niềm nuối tiếc quá khứ và nỗi suy tư về hiện tại. Theo gợi ý trên, anh (chị) thử phân tích tác dụng của việc sử dụng điệp ngữ "hoàng hạc". Từ "Hoàng Hạc" và mỗi cụm từ "hoàng hạc" đã được đặt trong quan hệ với những cụm từ khác (ví dụ, quan hệ giữa cụm từ "hoàng hạc" thứ nhất với cụm từ "tích nhân" ở cùng câu và với từ "Hoàng Hạc" thứ hai ở câu sau ; quan hệ giữa cụm từ "hoàng hạc" ở câu thứ ba với từ "Hoàng Hạc" và cụm từ "hoàng hạc" nói trên và với cụm từ "bạch vân" ở câu thứ tư). Có thể rút ra nội dung, ý nghĩa gì từ những quan hệ đó ?
2. Chỉ có thể cảm thụ tốt bài thơ nếu chia bài thơ làm *hai phần*. Rõ ràng cảnh sắc ở bốn câu thơ cuối có một số điểm khác so với cảnh sắc được miêu tả trong bốn câu đầu : từ cõi tiên về cảnh tục, từ cấu tứ lấy ý làm chủ chuyển sang lấy cảnh làm chủ, từ trạng thái mộng lung huyền ảo sang màu sắc tươi tắn hoặc rõ nét ; và về hình thức thơ, từ phá cách quay về tuân thủ nghiêm chỉnh luật thơ. Khác song không đột ngột, vì dù có miên man suy ngẫm về quá khứ, bị lời cuốn mạnh mẽ bởi truyền thuyết, cõi tiên, thì rốt cuộc, tác giả vẫn quay về với hiện tại, và chính những vấn đề triết lí mà tác giả đặt ra trong phần đầu (quan hệ giữa con người và vũ trụ, giữa cái hữu hạn và cái vô cùng,...) là xuất phát từ hiện tại và vẫn mãi còn có ý nghĩa đối với hiện tại. Đó chính là mối liên hệ sâu kín giữa hai phần của bài thơ. Hãy lí giải vì sao những vấn đề triết lí được đặt ra trong phần đầu vẫn mãi còn ý nghĩa đối với hiện tại.
3. Bài thơ tuy miêu tả một di tích xa xưa mà vẫn gần gũi với cuộc đời và con người. Nếu ở phần đầu tác giả chủ yếu "định vị" lầu Hoàng Hạc trong không gian – thời gian vĩ mô thì ở phần sau lại định vị trong không gian – thời gian cụ thể : tác giả đã miêu tả, biểu hiện sinh động những gì đã nhìn thấy, cảm thấy từ lầu Hoàng Hạc. Đó chính là cơ sở để tác giả thổ lộ một tình cảm có ý nghĩa nhân sinh gần gũi ở cuối bài : chiều hôm nhớ nhà.

---

(1) "Nhị tứ lục phân minh" : chữ thứ hai, thứ tư, thứ sáu phải làm theo luật thơ (xem thêm phần *Tri thức đọc - hiểu : Luật thơ Đường*, tr.172).

# KHE CHIM KÊU

(Điều minh giản)

VƯƠNG DUY

## TIỂU DẪN

Vương Duy (701 - 761), tự là Ma Cật, người đất Kì, Thái Nguyên (nay thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc), là nhà thơ kiêm họa sĩ nổi tiếng thời Đường. Năm hai mươi mốt tuổi ông đỗ Tiến sĩ. Vương Duy gần như suốt đời làm quan song trong một thời gian dài, lại sống gần như một ẩn sĩ, "mỗi lần bãi triều về là đốt hương ngồi một mình, đọc kinh niệm Phật".

Vương Duy để lại hơn bốn trăm bài thơ và nhiều tác phẩm hội họa. Đại bộ phận tác phẩm của ông là *thơ điển viên, sơn thủy* (thơ chuyên miêu tả cảnh ruộng vườn, núi sông). *Cảnh sắc thiên nhiên trong thơ Vương Duy rất đa dạng song phần lớn mang tính chất thanh nhàn, yên tĩnh*. Tính chất thanh nhàn, yên tĩnh có khi là sự phản ánh đặc điểm khách quan của cảnh vật, có khi lại là thể hiện màu sắc thanh tịnh vô vi của đạo Phật. Cảnh trong thơ ông nhiều chỗ đẹp như một bức tranh. Tô Thức thời Tống nhận xét : "Thưởng thức thơ Ma Cật, thấy trong thơ có họa, xem họa Ma Cật, thấy trong họa có thơ". Nhiều người cho thơ ông còn sinh động hơn tranh ở chỗ những âm thanh, động tác được miêu tả như có thể nghe được, thấy được. *Khe chim kêu* là một trong những bài thơ tiêu biểu thể hiện rõ nét những đặc điểm nói trên của thơ Vương Duy.

\*  
\*   \*  
\*

*Phiên âm :*

Nhân nhàn quế hoa lạc,  
Đạ tĩnh xuân sơn không.  
Nguyệt xuất kinh sơn điệu,  
Thời minh tại giản trung.

*Dịch nghĩa :*

Người nhàn, hoa quế<sup>(1)</sup> rụng,  
Đêm yên tĩnh, non xuân vắng không.

---

(1) *Quế*: một loại cây có lá rậm và dày, hoa rất nhỏ.

Trăng lên làm chim núi giật mình,  
Thỉnh thoảng cất tiếng kêu trong khe suối.

*Dịch thơ :*

Bản dịch thứ nhất :

*Người nhàn hoa quế nhẹ rơi,  
Đêm xuân lặng ngắt trái đồi vắng tanh.  
Trăng lên, chim núi giật mình,  
Tiếng kêu thủng thủng đưa quanh khe đồi.*

NGÓ TẮT TỐ dịch  
(*Thơ Đường, tập I, Sđd*)

Bản dịch thứ hai :

*Người nhàn hoa quế rụng,  
Đêm xuân núi vắng teo.  
Trăng lên chim núi hẫ,  
Dưới khe chốc chốc kêu.*

TƯƠNG NHƯ dịch  
(*Thơ Đường, tập I, Sđd*)

### HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Tìm mối liên hệ giữa hai vế của câu thơ đầu (Người nhàn / hoa quế rụng). Nhà thơ cảm nhận được hoa quế *rơi*, chi tiết đó nói lên điều gì về cảnh và tâm hồn thi sĩ? Qua mối quan hệ ấy, có thể thấy được đặc điểm gì của cảnh sắc núi xuân trong đêm?
2. Cảnh vật được miêu tả trong hai câu thơ cuối là *tĩnh* hay *động*, *tối* hay *sáng*? Đọc xong bài thơ, anh (chị) nhận thấy mặt nào đã được làm nổi bật? Vì sao?
3. So sánh hai bản dịch thơ với bản dịch nghĩa. Anh (chị) thích bản dịch nào hơn? Vì sao? (Cần lưu ý là bản dịch của Tương Như đã đánh rơi mất chữ "tĩnh", chữ quan trọng nhất trong câu thơ thứ hai).